TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ - ST
Ngày 08-11-2019
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ;

Ông Bùi Văn Tiều;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Thư – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 05-6-2019 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09-10-2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST - HNGĐ ngày 25-10-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Vườn Quốc gia C, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Vườn Quốc gia C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 21-10-2013 chị và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị làm việc tại Vườn Quốc gia C, huyện

C, thành phố Hải Phòng, sinh sống tại xã T, huyện C, Hải Phòng. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng nhờ sự hàn gắn của hai bên gia đình nên hai bên tiếp tục sống chung đến giữa năm 2018 phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về tính cách, luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặt khác, theo chị T phần lớn nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do kinh tế khó khăn, anh T thường xuyên chơi bời nợ nần nên trong gia đình xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn hai vợ chồng đã được gia đình hai bên, cơ quan đơn vị hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Đến tháng 12 năm 2018 do mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04-9-2019 tại Vườn Quốc gia C, anh Đặng Văn T cũng xác nhận anh chị đăng ký kết hôn năm 2013, sau khi kết hôn hai anh chị đã chuyển ra C làm việc tại Vườn Quốc gia C. Cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, đến cuối năm 2018, hai bên đã sống ly thân, chị T đã ở tại khu tập thể Vườn Quốc gia còn anh T sống tại khu tập thể Trạm kiểm lâm xã P, huyện C. Trong trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh T đều xác nhận họ có một con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 15-7-2014, chị T mong muốn được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh T nếu ly hôn và chị T nuôi con anh sẽ tự cấp dưỡng theo khả năng của mình.

Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Qua xác minh tại đơn vị công tác và cũng là nơi thường xuyên sinh sống của cả hai vợ chồng, xác định nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do anh T thường xuyên chơi bời, mặc dù đã được Công đoàn cơ quan hòa giải nhưng hai bên vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Qua xác minh xác định, anh chị T T có một con chung hiện đang sinh sống cùng chị T tại khu tập thể Vườn Quốc gia C. Nếu các bên đã cương quyết ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì cho rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, hai anh

chị không thể nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không còn khả năng hàn gắn và đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cháu T đang sinh sống cùng chị tại Vườn Quốc gia C.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án; Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ vợ chồng cũng như về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án Ly hôn và tranh chấp nuôi con, bị đơn làm việc và sinh sống thường xuyên tại vườn Quốc Gia C, huyện C, thành phố Hải Phòng, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Anh T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án việc tống đạt văn bản đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không khiếu nại gì về quyết định và hành vi của người tiến hành tố tụng.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, phong cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung, anh T thường xuyên chơi bời,

không quan tâm đến vợ con, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng, đặc biệt hai anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, gia đình và cơ quan đơn vị đã hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được tình hình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, liên lạc nhiều lần nhưng anh T đều cố ý không đến Tòa án, thể hiện việc không hợp tác đối với Tòa án, không thể hiện quan điểm đối với hôn nhân của chính mình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T xác nhận có một con chung là Đặng Minh T, sinh ngày 15/7/2014, chị T mong muốn được nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh T đều hai bên đều có thu nhập, có chỗ ở ổn định, hợp pháp. Hiện nay cháu T đang ở cùng mẹ và cháu còn nhỏ, vì vậy cần chấp nhận thỏa thuận của chị T anh T về phần con chung để đảm bảo việc học tập và sự phát triển ổn định của con trẻ.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Minh T, sinh ngày 15-7-2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom

con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003501 ngày 05-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Văn T có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã Minh Tân, h. Kiến Thụy, TP.HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh